

NHẬN THỨC CỦA PHỤ HUYNH ĐỐI VỚI NGUY CƠ XÂM HẠI TÌNH DỤC TRẺ EM (NGHIÊN CỨU NHÓM PHỤ HUYNH LỚP 5 TRƯỜNG TIỂU HỌC NGUYỄN VĂN TRỖI, ĐÀ NẴNG)

THE PARENTAL AWARENESS ABOUT THE RISK OF CHILD SEXUAL (RESEARCH THE PARENTS OF THE 5th GRUATE STUDENTS, AT NGUYEN VAN TROI PRIMARY SCHOOL, DA NANG CITY)

Nguyễn Thị Hằng Phương, Lê Mỹ Dung

Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng; hangphuong19@gmail.com; dungtlgd2016@gmail.com

Tóm tắt - Xâm hại tình dục trẻ em là mọi hành vi lôi kéo trẻ em dưới 16 tuổi vào các hoạt động liên quan đến tình dục và gây ra những tổn thương về thể chất, tinh thần đối với trẻ. Nghiên cứu nhóm phụ huynh (học sinh khối lớp 5 Trường Tiểu học Nguyễn Văn Trỗi, Đà Nẵng) về nguy cơ xâm hại tình dục trẻ em cho thấy, 72,5% phụ huynh nhận thấy đây là vấn đề nghiêm trọng, nguy cơ xảy ra xâm hại cao nhất khi trẻ đi một mình nơi vắng vẻ, tối tăm hoặc khi trẻ ở nhà một mình. Nguyên nhân của nguy cơ xâm hại tình dục trẻ em là do chính trẻ em chưa bảo vệ được bản thân; do bố mẹ thiếu hụt kiến thức giáo dục giới tính, chưa biết cách trò chuyện, hướng dẫn trẻ về bảo vệ cơ thể, về các nguy cơ và kỹ năng giúp trẻ tự bảo vệ mình. Cần có các khóa tập huấn để nâng cao năng lực cho phụ huynh về thông tin, kỹ năng về nguy cơ xâm hại tình dục trẻ em nhằm bảo vệ trẻ em tốt hơn.

Từ khóa - xâm hại tình dục; nguy cơ xâm hại tình dục trẻ em; phụ huynh; nhận thức của phụ huynh; học sinh tiểu học

1. Đặt vấn đề

Có nhiều tác giả đã đưa ra những quan điểm riêng cho khái niệm về xâm hại tình dục trẻ em. Theo quy định của tổ chức WHO, trẻ em được xét từ dưới 16 tuổi. Theo Luật Trẻ em được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 05/4/2016, “trẻ em” được quy định là người dưới 16 tuổi. Ủy ban bảo vệ và chăm sóc trẻ em Việt Nam cho rằng: “Trẻ em là công dân Việt Nam dưới 16 tuổi trừ trường hợp pháp luật áp dụng với trẻ em đó quy định tuổi thành niên sớm hơn”. Mặc dù có nhiều cách định nghĩa khác nhau nhưng có thể hiểu, trẻ em là người đang trong độ tuổi phát triển, chưa hoàn thiện về mặt sinh lý và tâm lý, dễ bị tổn thương do các tác động tiêu cực từ môi trường xã hội.

Theo số liệu công bố của Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội trong 5 năm (2011 – 2015), cả nước phát hiện trên 8.200 vụ xâm hại trẻ em, với gần 10.000 nạn nhân, tăng 258 nạn nhân so với 5 năm trước đó. Số vụ xâm hại tình dục chiếm tới 5.300 vụ (khoảng 65%) và gia tăng xâm hại tình dục nam. Có đến 93% nghi phạm trong các vụ phạm tình dục trẻ em là những người thân quen của nạn nhân và gia đình như bạn bè của cha mẹ, hàng xóm, thậm chí là giáo viên, bố dượng, bố đẻ...

Finkelhor, D. (2009), Cummings và cộng sự (2012) khẳng định rằng xâm hại tình dục trẻ em có thể xảy ra cho tất cả trẻ em; ở mọi độ tuổi, và có thể xảy ra ở bất cứ nơi đâu từ gia đình, trường học, bệnh viện, công viên, nhà hàng, siêu thị, nhà thờ... cho đến trên mạng internet. Nghiên cứu của các tác giả, Havinsky, O. và Draker, D. A. (2003), Espelage và cộng sự (2013) đều cho rằng, trẻ em gái thường có xu hướng dễ bị lạm dụng tình dục hơn trẻ em trai.

Abstract - Child sexual abuse is a behavior that entices children under the age of 16 to engage in sexual activity and causes physical and mental harm to the children. The results of parental awareness research on the risk of child sexual abuse show that 72.5% of parents find this a serious problem (the parents of the 5th grade students, Nguyen Van Troi primary school, Da Nang city). The risk of abuse is highest when children are alone at dark and deserted areas or stay at home alone. The risk of child sexual abuse is high because the children can not protect themselves and that parents lack knowledge about sex education as well as haven't got good communication with their children, haven't skills for sharing understanding about the body protection, about the risks of sexual abuse and about how children can protect themselves. The parents should participate in the training/work shop about child sexual abuse to have more information and skills to protect their children better.

Key words - sexual abuse; risk of child sexual abuse; parents; parental awareness about sexual abuse; primary school student

Ở nước ngoài, những nghiên cứu của tác giả Chen và cộng sự đều đề cập đến những vấn đề như: đối tượng trẻ em nào thì có nguy cơ bị xâm hại tình dục; trẻ em ứng xử như thế nào khi bị xâm hại và hậu quả của việc bị xâm hại tình dục. Từ góc độ phụ huynh, giáo viên nhóm các tác giả DiClemente và cộng sự (2001); Balachova và cộng sự (2004); Bacchini và cộng sự (2011) cho rằng phụ huynh, giáo viên là những người có thể hướng dẫn cho học sinh phòng ngừa các nguy cơ xâm hại tình dục của trẻ em tốt nhất.

Tại Việt Nam, những nghiên cứu của Trần Thị Cẩm Nhung (2012), Nguyễn Thị Đào (2014), Diệp Huyền Thảo (2015) cũng đã đề cập đến thực trạng xâm hại tình dục trẻ em, tuy nhiên chưa có các nghiên cứu từ phía phụ huynh. Bài báo này, tập trung vào việc trình bày một số kết quả nghiên cứu về *nhận thức của phụ huynh lớp 5 Trường Tiểu học Nguyễn Văn Trỗi, Đà Nẵng đối với nguy cơ xâm hại tình dục trẻ em*.

2. Giải quyết vấn đề

2.1. Khái niệm

Theo nhóm tác giả Finkelhor, D. (2009), Devries và cộng sự (2014) cho rằng, xâm hại tình dục trẻ em nghĩa là sử dụng trẻ vào một hoạt động tình dục nào đó. Các tác giả DeLillo và cộng sự (2003), Havinsky và cộng sự (2003) có chung nhận định, bất cứ việc gì liên quan đến tình dục mà có trẻ em tham gia ở các mức độ khác nhau, đều được xem là xâm hại tình dục trẻ em. Từ đó, *nhận thức của phụ huynh đối với nguy cơ xâm hại tình dục trẻ em* được hiểu là những hiểu biết, suy nghĩ, quan niệm của các bậc phụ huynh đối với nguy cơ bị xâm hại tình dục đối với con cái họ.

2.2. Khách thể và phương pháp nghiên cứu

Khách thể nghiên cứu: khảo sát trên 51 phụ huynh, 9 nam (17,7%) và 42 nữ (82,3%). Trình độ học vấn tập trung ở nhóm đã tốt nghiệp đại học, với 62,75%, chiếm 84,31% nhóm trí thức.

Bảng 1. Khách thể nghiên cứu

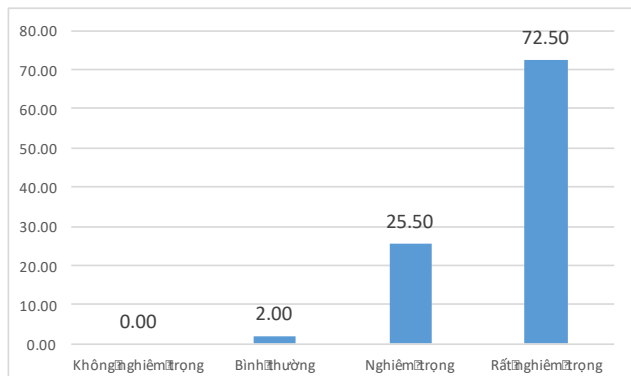
Tiêu chí	Tỉ lệ %
Nam	17,7
Nữ	82,3
Tốt nghiệp Tiểu học	1,96
Tốt nghiệp THCS	3,93
Tốt nghiệp THPT	1,96
Tốt nghiệp và TCCN	9,8
Tốt nghiệp Cao đẳng	7,84
Tốt nghiệp Đại học	62,75
Tốt nghiệp trên Đại học	11,76
Nội trợ	7,8
Công nhân	9,8
Trí thức	82,4

Phương pháp nghiên cứu: Điều tra bằng bảng hỏi (về nhận thức của phụ huynh đối với việc phòng ngừa xâm hại tình dục trẻ em, bao gồm đánh giá mức độ nghiêm trọng; nguy cơ; biểu hiện; ảnh hưởng/ hậu quả... Dữ liệu thu thập được xử lý bằng phần mềm SPSS 20.

3. Kết quả nghiên cứu và bình luận

3.1. Kết quả nghiên cứu

Khảo sát nhận thức của phụ huynh, kết quả cho thấy Phần lớn các bậc phụ huynh đều cho rằng, xâm hại tình dục trẻ em hiện nay là vấn đề đáng báo động, là nỗi lo của các bậc cha mẹ. Một phụ huynh nhận định “*Hiện tượng xâm hại tình dục trẻ em đang ngày càng phổ biến gây hậu quả nghiêm trọng cho gia đình và xã hội*”. Một phụ huynh khác lại bày tỏ suy nghĩ của mình về hiện tượng xâm hại tình dục trẻ em hiện nay “*đang là vấn đề nhức nhối và nóng bỏng; là vấn đề xã hội rất nặng nề, cần có biện pháp ngừa, ngăn chặn và phát hiện sớm để bảo vệ con em*”. Điều này cũng được phản ánh rõ trong kết quả nghiên cứu mức độ nghiêm trọng của vấn đề xâm hại tình dục ở trẻ em (Hình 1). 72,5% phụ huynh được hỏi, xâm hại tình dục trẻ em là vấn đề rất nghiêm trọng.



Hình 1. Đánh giá của phụ huynh về mức độ nghiêm trọng của xâm hại tình dục trẻ em

Như vậy, xâm hại tình dục trẻ em trở thành vấn đề cấp thiết, theo quan điểm của các phụ huynh việc xây dựng, đề xuất các giải pháp phòng ngừa, ngăn chặn là việc làm cấp thiết hiện nay.

Bảng 2. Đánh giá về tình huống có nguy cơ, biểu hiện và dấu hiệu trẻ bị xâm hại tình dục

Nội dung	Điểm trung bình	Độ lệch chuẩn
Tình huống có nguy cơ		
Đi một mình nơi vắng vẻ, tối tăm	3,82	0,385
Nhận tiền, quà hoặc sự giúp đỡ của người khác mà không có lý do	3,27	0,493
Đi nhờ xe của người khác mà không có sự đồng ý của cha mẹ	3,43	0,5
Đề người khác vào nhà khi ở một mình	3,59	0,497
Ở trong phòng một mình với người khác	3,61	0,568
Đến các không gian công cộng (công viên, bến tàu, xe buýt),...	2,61	0,802
Gửi trẻ cho hàng xóm, người quen trông coi giúp	2,69	0,678
Trẻ đi học thêm ở nhà thầy cô hoặc học kèm gia sư	2,29	0,756
Biểu hiện của xâm hại tình dục		
Người lớn thể hiện quan tâm quá mức đến trẻ (hôn hít, ôm ấp...)	2,04	0,937
Cho trẻ xem tranh, ảnh, phim có nội dung khiêu dâm	2,84	1,33
Trò chuyện mang tính khiêu dâm (bao gồm cả trò chuyện trực tiếp và qua các phương tiện như điện thoại, vi tính,...)	2,8	1,31
Đụng chạm, sờ mó vào bộ phận nhạy cảm (ngực, sinh dục,...) của trẻ	2,96	1,37
Bắt trẻ đụng chạm, sờ mó vào bộ phận nhạy cảm của người khác	2,94	1,36
Có hành vi quan hệ tình dục với trẻ hoặc lôi kéo trẻ vào các hoạt động liên quan tình dục	3,04	1,39
Bắt trẻ làm việc quá nhiều ảnh hưởng đến việc học tập, vui chơi của trẻ	1,57	0,831
Đánh đập, nhạo báng trẻ ở trường học	1,53	0,946
Xâm phạm sự riêng tư của trẻ	1,92	0,997
Dấu hiệu của trẻ bị xâm hại tình dục		
Những thay đổi về hành vi của trẻ (trẻ hay cáu gắt, nóng giận bất thường, chán nản, buồn phiền, biểu hiện bất an)	2,86	0,872
Trẻ bỏ nhà hoặc vắng mặt trong thời gian dài	2,67	0,816
Trẻ có lời nói và hành vi giới tính không phù hợp	2,92	0,956
Trẻ có nhiều dấu hiệu thể chất khác lạ (thương tổn, đái dầm, tự hủy hoại bản thân, mắc các bệnh lây truyền qua đường tình dục hoặc có thai)	3,16	0,88
Trẻ sợ hãi hoặc nóng giận gây gổ với người khác	2,67	0,909
Trẻ lạm dụng chất kích thích (ma túy và các chất có cồn)	2,33	0,931
Trẻ vẫn học tập, vui chơi như bình thường	1,76	0,951
Trẻ có tiền, quà tặng, điện thoại,... không rõ nguồn gốc	2,57	0,878

Khảo sát về tình huống có nguy cơ, biểu hiện và dấu hiệu trẻ bị xâm hại tình dục, kết quả cho thấy phụ huynh cho rằng, đi một mình nơi vắng vẻ, tối tăm được đánh giá là tình huống có nguy cơ bị xâm hại tình dục cao nhất ($x=3,82$) (Bảng 2). Ngoài ra, các tình huống như: Ở trong phòng một mình với người khác ($x=3,61$), để người khác vào nhà khi ở một mình ($3,59$) cũng là những tình huống có nguy cơ cao khiến trẻ có thể bị xâm hại tình dục. Như vậy, khi một mình trẻ ở một “không gian không an toàn” được xem là những tình huống có nguy cơ cao bị xâm hại tình dục.

Trong khi đánh giá các biểu hiện của xâm hại tình dục trẻ em (Bảng 2), đa số các bậc phụ huynh đều cho rằng, có hành vi quan hệ tình dục với trẻ hoặc lôi kéo trẻ vào các hoạt động liên quan tình dục ($x=3,04$) là biểu hiện rõ nét của hành vi xâm hại tình dục. Ngoài ra, các hành vi như: đụng chạm, sờ mó vào bộ phận nhạy cảm (ngực, sinh dục ...) của trẻ ($x=2,96$); Bắt trẻ đụng chạm, sờ mó vào bộ phận nhạy cảm của người khác ($x=2,94$) ..., cũng được đánh giá là những biểu hiện khá rõ của xâm hại tình dục ở trẻ em. Mặt khác, nếu như các giáo viên cho rằng, “trẻ có nhiều dấu hiệu thể chất khác lạ (thương tổn, đái dầm, tự hủy hoại bản thân, mắc các bệnh lây truyền qua đường tình dục hoặc có thai)” ($x=3,60$) là dấu hiệu dễ nhận biết nhất khi trẻ bị xâm hại tình dục thì theo quan điểm của các bậc phụ huynh, “trẻ ngại đi học và bỏ học trong thời gian dài hoặc kết quả học tập giảm sút” ($x=3,35$) là dấu hiệu rõ nét nhất trong số các dấu hiệu khác khi trẻ bị xâm hại tình dục.

Nguyên nhân cơ bản ảnh hưởng đến tình trạng xâm hại tình dục trẻ em, theo các phụ huynh là do trẻ chưa được trang bị các kiến thức và kỹ năng an toàn cần thiết để bảo vệ mình trước nguy cơ bị xâm hại (45,1%). Ngoài ra, sự phát triển của internet và các kênh thông tin tiêu cực làm phát tán văn hóa bạo lực và tình dục tạo nên sự tò mò, kích động và dễ có hành vi lệch chuẩn ở những đối tượng xấu (17,6%); gia đình mãi mê kiếm sống, làm ăn kinh tế đã bỏ mặc cho con cái đi lang thang, trẻ em không có người bảo vệ nên đã bị các đối tượng xấu xâm hại tình dục (13,7%) cũng là những nguyên nhân không nhỏ tác động đến việc xâm hại tình dục trẻ em hiện nay (Bảng 3).

Bảng 3. Nguyên nhân ảnh hưởng đến tình trạng xâm hại tình dục trẻ em

Nguyên nhân	Số lượng	Tỷ lệ (%)
Trẻ chưa được trang bị các kiến thức và kỹ năng an toàn cần thiết để bảo vệ mình trước nguy cơ bị xâm hại	23	45,1
Cha mẹ và người thân của trẻ thiếu hụt kiến thức giáo dục giới tính, chưa biết cách trò chuyện, hướng dẫn trẻ về cơ thể, các nguy cơ và kỹ năng giúp trẻ tự bảo vệ mình	5	9,8
Cha mẹ giao trẻ cho người khác chăm sóc mà hoàn toàn không có sự giám sát, nghi ngờ, không có ý thức về bảo vệ trẻ em khỏi bị xâm hại tình dục.	3	5,9
Môi trường sống trong gia đình thiếu lành mạnh, bản thân cha mẹ, người chăm sóc trẻ là những người sống không gương mẫu, tham gia vào các tệ nạn xã hội và gần như bỏ mặc con cái trong gia đình.	4	7,8
Gia đình mãi mê kiếm sống, làm ăn kinh tế	7	13,7

tế đã bỏ mặc cho con cái đi lang thang, trẻ em không có người bảo vệ nên đã bị các đối tượng xấu xâm hại tình dục.		
Sự phát triển của internet và các kênh thông tin tiêu cực làm phát tán văn hóa bạo lực và tình dục tạo nên sự tò mò, kích động và dễ có hành vi lệch chuẩn ở những đối tượng xấu.	9	17,6
Tổng	51	100

Xâm hại tình dục trẻ em để lại những hậu quả nhất định đối với trẻ, gia đình cũng như xã hội (Bảng 4). Trong số đó, 45,1% số phụ huynh được hỏi nhận thấy, rằng tổn thương sức khỏe thể chất (mang thai trước tuổi, mắc các bệnh lây nhiễm qua đường tình dục...) là một trong những hậu quả lớn nhất đối với trẻ bị xâm hại tình dục. Xâm hại tình dục trẻ em còn gây nên hệ lụy đối với gia đình như gây xáo trộn bầu khí gia đình (11,1%) và gây bất ổn xã hội (11,1%).

Bảng 4. Hậu quả của xâm hại tình dục trẻ em

Hậu quả	Số lượng lựa chọn	Tỷ lệ
Tổn thương sức khỏe thể chất (mang thai trước tuổi, mắc các bệnh lây nhiễm qua đường tình dục,...)	51	11,8
Rối nhiễu hành vi, thay đổi cảm xúc (chán ăn, buồn bã, trầm cảm, hay gây rối, lạm dụng chất gây nghiện,)	40	9,2
Xấu hổ, ngại giao tiếp với mọi người	44	10,2
Chán học, học hành sa sút, bỏ học	44	10,2
Xáo trộn bầu không khí gia đình	48	11,1
Phá vỡ sự ổn định của gia đình (li hôn, chuyển nhà, bỏ mẹ phải nghỉ việc chăm con,...)	42	9,7
Làm xấu hình ảnh của quốc gia trong mắt bạn bè quốc tế	37	8,5

Bảng 5. Nhận diện đối tượng trẻ em có nguy cơ bị xâm hại tình dục

Đối tượng có nguy cơ xâm hại	Số lượng lựa chọn	Tỷ lệ (%)
Trẻ em gái	40	19.80
Trẻ em trai	16	7.92
Trẻ có hoàn cảnh đặc biệt	27	13.37
Bất kỳ trẻ em nào	42	20.79
Trẻ dưới 3 tuổi	13	6.44
Trẻ từ 3 đến 6 tuổi	21	10.40
Trẻ từ 6 đến 12 tuổi	25	12.38
Từ 12 đến 18 tuổi	18	8.91
Tổng	202	100

Theo kết quả khảo sát, phụ huynh cho rằng, bất kỳ trẻ em nào cũng có nguy cơ xâm hại tình dục. Tuy nhiên, nhóm trẻ em gái, những trẻ có hoàn cảnh đặc biệt, cũng như ở độ tuổi từ 6 đến 12 tuổi là những đối tượng có nguy cơ dễ có nguy cơ bị xâm hại tình dục (Bảng 5), với mức tỉ lệ phần trăm chiếm xấp xỉ 20%.

Việc nhận diện đối tượng là thủ phạm gây ra xâm hại tình dục trẻ em là một trong những vấn đề then chốt trong việc định hướng và đề xuất giải pháp, biện pháp phòng ngừa xâm hại tình dục. Dưới góc nhìn của các bậc phụ

huynh, thủ phạm gây ra xâm hại tình dục trẻ em chiếm các mức độ là: người mắc chứng ấu dâm (21,84%), người lạ (19,9%), người quen (17,96%), người thân (14,56%) là những đối tượng có nguy cơ nhất (Bảng 6)

Bảng 6. Nhận diện đối tượng có thể là thủ phạm gây ra xâm hại tình dục trẻ em

Đối tượng	Số lượng lựa chọn	Tỷ lệ (%)
Người lạ	41	19,90
Người quen	37	17,96
Người thân	30	14,56
Người cùng giới	20	9,71
Người khác giới	33	16,02
Người mắc chứng ấu dâm	45	21,84
Tổng	206	100

Kết quả phân tích về mức độ thực hiện nội dung các hoạt động phòng ngừa xâm hại tình dục cho trẻ cho thấy (Bảng 7), gia đình thường có ý thức xây dựng mối quan hệ cởi mở với trẻ (ở mức $x=2,82$) trong việc trao đổi, trò chuyện các vấn đề giới tính và phòng ngừa xâm hại tình dục cho trẻ ($x=2,22$). Tuy nhiên, việc cung cấp, chỉ dạy cho trẻ biết các kênh trợ giúp cho trẻ khi gặp các vấn đề liên quan đến xâm hại tình dục lại ít được thực hiện hoặc thực hiện không thường xuyên ($x=1,92$).

Bảng 7. Mức độ thực hiện nội dung các hoạt động phòng ngừa xâm hại tình dục cho trẻ em

Phụ huynh cần làm	Điểm trung bình	Độ lệch chuẩn
Xây dựng mối quan hệ cởi mở tin cậy với trẻ, để trẻ có thể chia sẻ bất kỳ điều gì với bố mẹ	2,82	.434
Trò chuyện với trẻ về giới tính và các vấn đề tình dục phù hợp với lứa tuổi của trẻ	2,18	.623
Cung cấp thông tin và trao đổi cởi mở với con về vấn đề liên quan đến phòng ngừa xâm hại tình dục trẻ em	2,22	.642
Dạy cho trẻ biết		
Gọi tên chính xác các bộ phận của cơ thể, đặc biệt làm các vùng kín	2,41	.698
Nhận biết và phản ứng với những cảm giác và dấu hiệu cơ thể để biết khi nào các em cần bảo vệ.	2,31	.787
Nếu trẻ cảm thấy lo lắng hay sợ hãi, trẻ có thể nói KHÔNG và ĐI KHỎI tình huống nguy hại và CHIA SẼ với người lớn tin cậy về những gì đã xảy ra.	2,59	.698
Các kênh trợ giúp cho trẻ khi trẻ gặp vấn đề liên quan đến xâm hại tình dục	1,92	.688

Bảng 8. Đánh giá hiệu quả nội dung các hoạt động phòng ngừa xâm hại tình dục cho trẻ em

Phụ huynh cần làm	Điểm trung bình	Độ lệch chuẩn
Xây dựng mối quan hệ cởi mở tin cậy với trẻ, để trẻ có thể chia sẻ bất kỳ điều gì với bố mẹ	3,25	0,868

Trò chuyện với trẻ về giới tính và các vấn đề tình dục phù hợp với lứa tuổi của trẻ	2,78	0,832
Cung cấp thông tin và trao đổi cởi mở về vấn đề liên quan đến phòng ngừa xâm hại tình dục trẻ em	2,75	0,868
Dạy cho trẻ biết		
Gọi tên chính xác các bộ phận của cơ thể, đặc biệt làm các vùng kín	2,84	0,903
Nhận biết và phản ứng với những cảm giác và dấu hiệu cơ thể để biết khi nào các em cần bảo vệ.	2,8	1,096
Nếu trẻ cảm thấy lo lắng hay sợ hãi, trẻ có thể nói KHÔNG và ĐI KHỎI tình huống nguy hại và CHIA SẼ với người lớn tin cậy về những gì đã xảy ra.	2,92	1,055
Các kênh trợ giúp cho trẻ khi trẻ gặp vấn đề liên quan đến xâm hại tình dục	2,39	1,078

Bảng 9. Địa điểm, thời gian, hình thức và người tập huấn

Nội dung	Tỷ lệ % lượt chọn lựa
Trường học	76
Nhà văn hoá phường xã	22
Gia đình	2
Thời gian tập huấn	
Tối	40
Giờ hành chính	16
Thứ 7, chủ nhật	32
Các ngày trong tuần	12
Người tập huấn	
Giảng viên	31,37
Chuyên gia	58,82
Cán bộ cộng đồng	9,80
Hình thức	
Hội thảo	37,25
Báo cáo chuyên đề	27,45
Sinh hoạt khoa học	23,53
Thảo luận bàn tròn	5,88
Giáo dục đồng đẳng	5,88

Mặt khác, trong khi thực hiện các nội dung các hoạt động phòng ngừa xâm hại tình dục cho trẻ em, các bậc phụ huynh nhận thấy, hiệu quả thực hiện ở mức trung bình - khá (Bảng 8). Trong số đó, hoạt động “xây dựng mối quan hệ cởi mở tin cậy với trẻ, để trẻ có thể chia sẻ bất kỳ điều gì với bố mẹ” được đánh giá hiệu quả cao nhất ($x=3,25$), và việc chỉ dạy cho trẻ biết các kênh trợ giúp cho trẻ khi trẻ gặp vấn đề liên quan đến xâm hại tình dục ($x=2,39$) là hoạt động được các bậc phụ huynh đánh giá với hiệu quả thấp nhất khi thực hiện các hoạt động phòng ngừa xâm hại tình dục cho con em mình.

Theo kết quả nghiên cứu, có đến 84,3% số phụ huynh được hỏi chưa từng tham gia bất kỳ một chương trình, hoạt động giáo dục về phòng ngừa xâm hại tình dục trẻ em. Điều này cũng đã được nhóm tác giả Kolko và cộng sự (2011) trình bày trong bài báo của họ. Phụ huynh mong muốn được tập huấn ở trường học (76%) vào buổi tối (40%) của

thứ bảy và chủ nhật (32%) thông qua các buổi hội thảo, báo cáo chuyên đề hoặc sinh hoạt khoa học do chuyên gia thực hiện (Bảng 9).

3.2. Bình luận

Những kết quả nghiên cứu được trình bày cho thấy, 72,5% phụ huynh cho rằng xâm hại tình dục trẻ em là vấn đề rất nghiêm trọng, và với điểm trung bình nhận thức chung của phụ huynh tham gia nghiên cứu là $x=3,24$ (mức khá), đã thêm khẳng định vấn đề nguy cơ xâm hại tình dục đối với trẻ em ở mức đáng báo động. Điều này là đáng mừng vì khi chính phụ huynh cảm thấy vấn đề là đáng quan tâm, họ sẽ nỗ lực để bảo vệ con hơn.

Về tình huống nguy cơ, phụ huynh cho rằng khi con đi một mình nơi vắng vẻ, tối tăm ($x=3,82$); con trong phòng một mình với người khác ($x=3,61$); hoặc khi có người lạ vào nhà khi ở một mình ($x=3,59$) ..., đều là những lúc cần cảnh giác.

Giả sử khi con có các biểu hiện khác thường như ngại đi học và bỏ học trong thời gian dài hoặc kết quả học tập giảm sút; có nhiều dấu hiệu thể chất khác lạ (thương tổn, đái dầm, tự hủy hoại bản thân, mắc các bệnh lây truyền qua đường tình dục hoặc có thai) hay có tiền, quà tặng, điện thoại... không rõ nguồn gốc đều là những dấu hiệu, chỉ báo cho phụ huynh biết để tìm hiểu xem liệu con có bị xâm hại tình dục.

Qua nghiên cứu, phụ huynh cũng đã thấy được nguyên nhân của việc chưa nhận thức tốt về nguy cơ xâm hại tình dục ở trẻ em tốt có nguyên nhân từ phía trẻ em và phụ huynh: Các em chưa được trang bị các kiến thức và kỹ năng an toàn cần thiết để bảo vệ mình trước nguy cơ bị xâm hại; phụ huynh do mải mê kiếm sống, làm ăn kinh tế đã không sát sao được với con; và còn vì chính cha mẹ và người thân của trẻ thiếu hụt kiến thức giáo dục giới tính, chưa biết cách trò chuyện, hướng dẫn trẻ về cơ thể, các nguy cơ và kỹ năng giúp trẻ tự bảo vệ mình. Điều này cũng phù hợp với những nhận định của nhóm tác giả Kumpfer, K. L., & Alvarado, R. (2003).

4. Kết luận

Từ kết quả nghiên cứu nhận thức của phụ huynh về nguy cơ xâm hại tình dục ở trẻ em ở mức khá như trên, và những đánh giá cụ thể của phụ huynh đối với từng vấn đề như nhận diện các biểu hiện; các đối tượng trẻ em có nguy cơ; đối tượng có thể là thủ phạm; đề xuất của phụ huynh đối với việc nâng cao nhận thức về xâm hại tình dục trẻ em, chúng tôi cho rằng cần tổ chức các khóa tập huấn chuyên đề cho phụ huynh, qua đó, phụ huynh có thêm thông tin, tri thức, kỹ năng giúp đỡ con cái mình.

Lời cảm ơn: Nhóm nghiên cứu Khoa Tâm lý Giáo dục, Trường Đại học Sư phạm – Đại học Đà Nẵng xin trân trọng cảm ơn Sở Khoa học Công nghệ, Thành phố Đà Nẵng đã hỗ trợ nhóm hoàn thành đề tài “*Xây dựng chương trình giáo dục phòng ngừa xâm hại tình dục cho học sinh tiểu học,*

Thành phố Đà Nẵng”, năm 2018.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Aspy, C. B., Vesely, S. K., Oman, R. F., Rodine, S., Marshall, L., & Mc Leroy, K. (2007). Parental communication and youth sexual behavior. *Journal of Adolescence*, 30, 449–466.
- [2] Bacchini, D., Concetta Miranda, M., & Affuso, G. (2011). Effects of parental monitoring and exposure to community violence on antisocial behavior and anxiety/depression among adolescents. *Journal of Interpersonal Violence*, 26, 269–292.
- [3] Balachova, T., Jackson, S., Lensgraf, J., & Bonner, B. L. (2004). Parent–child interaction therapy with physically abusive parents: efficacy for reducing future abuse reports. *Journal of Consulting and Clinical Psychology*, 72, 491–499.
- [4] Chen, L. P., Murad, M. H., Paras, M. L., Colbenson, K. M., Sattler, A. L., Goranson, E. N., & Zirakzadeh, A. (2010). Sexual abuse and life-time diagnosis of psychiatric disorders: systematic review and meta-analysis. *Mayo Clinic Proceedings*, 85, 618–629.
- [5] Cummings, M., Berkowitz, S. J., & Scribano, P. V. (2012). Treatment of childhood sexual abuse: an updated review. *Current Psychiatry Reports*, 14, 599–607.
- [6] DeLillo, D., & Damashek, A. (2003). Parenting characteristics of women reporting a history of childhood sexual abuse. *Child Maltreatment*, 8, 319–333.
- [7] Devries, K. M., Mak, J. Y. T., Child, J. C., Falder, G., Bacchus, L. J., Astbury, J., & Watts, C. H. (2014). Childhood sexual abuse and suicidal behavior: a meta-analysis. *Pediatrics*. doi:10.1542/peds.2013-2166.
- [8] DiClemente, R. J., Wingood, G. M., Crosby, R., Cobb, B. K., Harrington, K., & Davies, S. L. (2001). Parent-adolescent communication and sexual risk behaviors among African American adolescent females. *Journal of Pediatrics*, 139, 407–412.
- [9] Nguyễn Thị Đào (2014), Phòng ngừa xâm hại tình dục trẻ em và vai trò của công tác xã hội, *Kỷ yếu công trình khoa học 2014*, ĐH Thăng Long.
- [10] Elliott, I. A., & Beech, A. R. (2013). A U.K. Cost-benefit analysis of circles of support and accountability interventions. *Sexual Abuse: A Journal of Research and Treatment*, 25, 211–229.
- [11] Espelage, D. L., Low, S., Polanin, J. R., & Brown, E. C. (2013). The impact of a middle school program to reduce aggression, victimization, and sexual violence. *Journal of Adolescent Health*, 53, 180–186.
- [12] Finkelhor, D. (2009). The prevention of childhood sexual abuse. *The Future of Children*, 19, 169–194.
- [13] Havinsky, O., & Draker, D. A. (2003). The economic costs of child sexual abuse in Canada: a preliminary analysis. *Journal of Health and Social Policy*, 17, 1–33.
- [14] Kaslow, N. J., Broth, M. R., Smith, C. O., & Collins, M. H. (2012). Family-based interventions for child and adolescent disorders. *Journal of Marital and Family Therapy*, 38, 82–100.
- [15] Kolko, D. J., Iselin, A. R., & Gully, K. J. (2011). Evaluation of the sustainability and clinical outcome of alternatives for families: a cognitive-behavioral therapy (AF-CBT) in a child protection center. *Child Abuse & Neglect*, 35, 105–116.
- [16] Kumpfer, K. L., & Alvarado, R. (2003). Family-strengthening approaches for the prevention of youth behavior problems. *American Psychologist*, 58, 457–465.
- [17] Trần Thị Cẩm Nhung (2012), Một số cách tiếp cận nghiên cứu xâm hại tình dục trẻ em qua các nghiên cứu nước ngoài, *Tạp chí Nghiên cứu Gia đình và Giới*, Số 6.2012.
- [18] Snyder, H. N. (2000). Sexual assault of young children as reported to law enforcement: victim, incident, and offender characteristics (pp. 1–17). Washington: Bureau of Justice Statistics.